TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 31/2026/QĐST-DS	*Thanh Hoá, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 80/2026/TLST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – Chức vụ: Trưởng phòng XLN khách hàng cá nhân 2 (Theo văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Lường Hữu H – Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà T, Số B Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Đình P - Sinh năm 1991;

Căn cước công dân số: 038091xxxxxx

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền vay nợ: Ngân hàng TMCP V (V1) và ông Nguyễn Đình P thống nhất: Ông Nguyễn Đình P còn nợ V1 số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 692.058.707 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm linh bảy đồng), cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LN2308180044192 ngày 24/8/2023: Nợ gốc là 598.929.999 đồng; Lãi trong hạn là 7.157.614 đồng; Lãi quá hạn là 44.612.140 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 379-P-7397312 ngày 31/8/2023: Nợ gốc là 34.667.908 đồng; Lãi quá hạn là 6.691.046 đồng.

2.2. Về trách nhiệm trả nợ và thời gian trả nợ:

Ông Nguyễn Đình P phải có trách nhiệm trả cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2026 là 692.058.707 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm linh bảy đồng) chậm nhất vào ngày 19/7/2026.

Kể từ ngày 20/5/2026 ông Nguyễn Đình P còn phải trả cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết trên số dư nợ gốc còn lại cho tới khi tất toán xong khoản vay.

2.3. Nếu ông Nguyễn Đình P vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết thì V1 có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Đình P để thu hồi nợ cho V1 là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 498, tờ bản bản đồ số 5, địa chỉ tại: thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 456682, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00316 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/01/2009 mang tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T, ngày 22/8/2023 đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình P. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2308180044192 ký ngày 24/8/2023.

Tài sản này thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Đình P. Hiện tại ông P vẫn đang quản lý những tài sản nêu trên. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho V1 nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông Nguyễn Đình P, nếu thiếu ông Nguyễn Đình P tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với V1.

2.4. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Đình P phải chịu 15.841.174 đồng (Mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm bảy mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V (V1) được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.318.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003050 ngày 17/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

2.5. Về chi phí tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Lường Hữu H và bị đơn ông Nguyễn Đình P thống nhất, thỏa thuận: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang